

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
CỤC CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN  
THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /CBTTNS-TT

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v đề nghị thông tin truyền thông kết nối  
tiêu thụ quả nhãn năm 2021.

Kính gửi:

- Vụ Công nghệ thông tin – Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Kênh thời sự chính luận tổng hợp VTV1 (Đài truyền hình Việt Nam);
- Kênh truyền hình Nông nghiệp – Nông dân – Nông thôn VTC16 (Đài truyền hình kỹ thuật số);
- Báo Nông nghiệp Việt Nam.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đẩy mạnh truyền thông, kết nối tiêu thụ quả nhãn niên vụ 2021 trong điều kiện dịch Covid -19 còn nhiều diễn biến phức tạp. Để cung cấp số liệu về tình hình sản lượng, mùa vụ thu hoạch quả nhãn và định hướng truyền thông, thúc đẩy tiêu thụ quả nhãn trong niên vụ năm 2021, Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản xin gửi đến Quý cơ quan các thông tin cụ thể như sau:

### **I. Tình hình sản xuất, sản lượng và mùa vụ thu hoạch**

Dự kiến tổng sản lượng nhãn cả nước năm 2021 đạt 637 nghìn tấn, tăng khoảng 8% so năm 2020, trong đó (*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*):

#### **1. Phía Nam**

Sản lượng 337 nghìn tấn, tăng khoảng 4% so năm 2020 (324 nghìn tấn).

Trong đó: Sản lượng đã thu hoạch 6 tháng đầu năm ước đạt 60 nghìn tấn (47,5%), dự kiến sản lượng thu hoạch 6 tháng cuối năm khoảng 177 nghìn tấn (52,5%).

#### **2. Phía Bắc**

Sản lượng 300 nghìn tấn, tăng hơn 13% so năm 2020 (265 nghìn tấn).

Trong đó:

- Trà sớm (Thu hoạch từ 15/7 - 31/7): 63,6 nghìn tấn (21,2%);
- Trà chính vụ (Thu hoạch từ 01/8 - 31/8): 204,3 nghìn tấn (68,1%);
- Trà muộn (Thu hoạch từ sau 31/8): 32,1 nghìn tấn (10,7%).

Cụ thể một số tỉnh sản xuất nhãn chủ yếu phía Bắc năm 2021 như sau:

a) Hưng Yên

Diện tích khoảng 4.800 ha, sản lượng ước đạt 50.000-55.000 tấn, cao hơn năm 2020 từ 15 - 20%. Trong đó: trà sớm sản lượng chiếm khoảng 10%; trà chính vụ khoảng 70%; trà muộn khoảng 20%.

Dự kiến năm 2021 tổng diện tích nhãn được cấp chứng nhận VietGAP đạt 1.300 ha.

*b) Sơn La*

Diện tích 19.224 ha, sản lượng ước đạt gần 98.500 tấn, tăng khoảng 10-15% so năm 2020, trong đó: trà sớm khoảng 28,3%; trà chính vụ 68%; trà muộn khoảng 3,7%.

- Sản lượng nhãn được sản xuất tại các mã số vùng trồng đạt 21.989 tấn đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng phục vụ cho việc xuất khẩu quả nhãn sang các thị trường Trung Quốc, Úc, Mỹ và một số thị trường khác.

- Sản lượng nhãn sản xuất theo quy trình VietGAP, theo chuỗi cung ứng nông sản an toàn đạt 6.171 tấn.

*c) Hải Dương*

Hiện có 2.136 ha, sản lượng quả 9.000 -10.000 tấn, tương đương năm 2020; trong đó: trà sớm khoảng 5%; trà chính vụ 90%; trà muộn khoảng 5%.

Diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế và theo quy trình GlobalGAP 50ha (khoảng 250 tấn); diện tích sản xuất theo VietGAP 500ha.

*d) Bắc Giang*

Hiện có khoảng 3.300 ha, sản lượng ước đạt 20.000 tấn, tăng 2.000 tấn so năm 2020; trong đó: trà sớm khoảng 35%, chính vụ khoảng 50%, muộn khoảng 15%.

*e) Hà Nội*

Hiện có khoảng 1.740 ha, sản lượng ước đạt hơn 13.000 tấn; trong đó: trà sớm hơn 5%, chính vụ 65%, trà muộn gần 30%.

## **II. Các chương trình xúc tiến tiêu thụ quả nhãn**

<b>TT</b>	<b>Tên sự kiện</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Thời gian, địa điểm dự kiến</b>
1	Hội nghị trực tuyến kết nối cung cầu tiêu thụ nhãn và nông sản tỉnh Hưng Yên năm 2021	UBND tỉnh Hưng Yên	15/7/2021 Trung tâm Hội nghị tỉnh Hưng Yên
2	Lễ công bố Quyết định cấp giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu “Nhãn Sơn La” và cắt băng khởi hành lô nhãn Sơn La tiêu thụ tại thị trường trong nước và xuất khẩu	UBND tỉnh Sơn La	16/7/2021 UBND huyện Sông Mã
3	Hội nghị giao thương trực tuyến	Cục Xúc tiến	15-16/7/2021

	quốc tế sản phẩm nhãn Việt Nam 2021	thương mại - Bộ Công Thương	Trực tuyến qua điểm cầu Hà Nội
4	Chuỗi Phiên chợ Âm thực - Đặc sản vùng miền tại Hà Nội: Phiên 2. Nhãn và Nông sản tỉnh Sơn La	Trung tâm Xúc tiến Thương mại Nông nghiệp – Bộ Nông nghiệp và PTNT	20-22/8/2021 489 Hoàng Quốc Việt – Cầu Giấy – Hà Nội
5	Hội Nghị trực tuyến tiêu thụ nông đặc sản tỉnh Vĩnh Long tại thị trường Hà Nội	Trung tâm Xúc tiến Thương mại Nông nghiệp – Bộ Nông nghiệp và PTNT	9/2021 489 Hoàng Quốc Việt – Cầu Giấy – Hà Nội

### III. Đề nghị

Trong điều kiện dịch Covid -19 còn nhiều diễn biến phức tạp, sẽ ảnh hưởng đến quá trình thu hoạch, vận chuyển và tiêu thụ, trong khi nhãn là loại quả có thời gian thu hoạch tập trung, khó bảo quản tươi, sản phẩm quả tươi tiêu thụ tại thị trường nội địa là chủ yếu. Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản kính đề nghị Vụ Công nghệ thông tin – Bộ Thông tin và Truyền thông và các Cơ quan truyền thông tích cực thông tin truyền thông để thúc đẩy tiêu thụ quả nhãn trong niên vụ năm 2021.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Thanh Nam (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Quốc Doanh (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Cục Trồng trọt (để p/h);
- Trung tâm KHQG (để p/h truyền thông);
- Trung tâm XTTTMNN (để p/h truyền thông);
- Phòng TTTN (để thực hiện truyền thông);
- Lưu: VT, TT.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Lê Thanh Hòa**

## Phụ lục

## THỜI VỤ VÀ SẢN LƯỢNG NHÂN NĂM 2021

ĐVT: 1000 tấn

Vùng, địa phương	Tổng SL	6 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm	Tháng 7		Tháng 8		Tháng 9		Tháng 10		Tháng 11		Tháng 12	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<b>Cả nước</b>	<b>637</b>	<b>160</b>	<b>477</b>	<b>102.6</b>	<b>16.1</b>	<b>241.3</b>	<b>37.9</b>	<b>68.1</b>	<b>10.7</b>	<b>17</b>	<b>2.7</b>	<b>25</b>	<b>3.9</b>	<b>23</b>	<b>3.6</b>
<b>1. Miền Bắc</b>	<b>300</b>	<b>-</b>	<b>300</b>	<b>63.6</b>	<b>21.2</b>	<b>204.3</b>	<b>68.1</b>	<b>32.1</b>	<b>10.7</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Son La	98.5	-	98.5	27.9	28.3	66.9	67.9	3.7	3.8	-	-	-	-	-	-
Hà Nội	13.1	-	13.1	0.7	5.3	8.5	64.9	3.9	29.8	-	-	-	-	-	-
Bắc Giang	20	-	20	7	35	10	50	3	15	-	-	-	-	-	-
Hung Yên	55	-	55	5.5	10	38.5	70	11	20	-	-	-	-	-	-
Hải Dương	10	-	10	0.5	5	9	90	0.5	5	-	-	-	-	-	-
Các tỉnh còn lại	103.4	-	103.4	22	21.3	71.4	69.1	10	9.7	-	-	-	-	-	-
<b>2. Miền Nam</b>	<b>337</b>	<b>160</b>	<b>177</b>	<b>39</b>	<b>11.6</b>	<b>37</b>	<b>11</b>	<b>36</b>	<b>10.7</b>	<b>17</b>	<b>5</b>	<b>25</b>	<b>7.4</b>	<b>23</b>	<b>6.8</b>
DHNTB	4.5	0.5	4	2	44.4	1.5	33.3	0.5	11.1	-	-	-	-	-	-
TN	10	3	7	3	30	2	20	2	20	-	-	-	-	-	-
ĐNB	68.5	14.5	54	15	21.9	15	21.9	15	21.9	-	-	3	4.4	6	8.8
ĐBSCL	254	142	112	19	7.5	18.5	7.3	18.5	7.3	17	6.7	22	8.7	17	6.7